

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2020/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2020

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều
Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008,
Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018,
Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 và
Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết và biện pháp thi hành về:

1. Công bố hợp quy, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (sau đây viết tắt là sản phẩm, hàng hóa nhóm 2) trong sản xuất, nhập khẩu quy định tại Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây viết tắt là Nghị định số 132/2008/NĐ-CP) được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành (sau đây viết tắt là Nghị định số 154/2018/NĐ-CP);

2. Biện pháp khắc phục hậu quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện hoạt động công bố hợp quy, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 trong sản xuất, nhập khẩu và tổ chức, cá nhân thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả khi bị xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tổ chức chứng nhận thực hiện hoạt động chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn* là tổ chức đã thực hiện đăng ký hoạt động chứng nhận (sau đây viết tắt là tổ chức chứng nhận đã đăng ký) quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp (sau đây viết tắt là Nghị định số 107/2016/NĐ-CP) và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP;

2. *Tổ chức chứng nhận, giám định, thử nghiệm thực hiện hoạt động chứng nhận, giám định, thử nghiệm sản phẩm, hàng hóa nhóm 2* là tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định, tổ chức thử nghiệm đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định, tổ chức thử nghiệm được chỉ định theo quy định tại Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP;

3. *Cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa* là cơ quan được phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, cơ quan tham mưu, giúp việc Ủy ban nhân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý ngành, lĩnh vực (sau đây viết tắt là cơ quan kiểm tra);

4. *Cơ quan có thẩm quyền thuộc các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực* là cơ quan được phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực (sau đây viết tắt là cơ quan có thẩm quyền);

5. Cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ bao gồm:

a) Cục Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

b) Cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan tham mưu giúp việc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý khoa học và công nghệ, có cửa khẩu hoặc có điểm kiểm tra hàng nhập khẩu trên địa bàn quản lý (sau đây viết tắt là cơ quan kiểm tra về tiêu chuẩn đo lường chất lượng);

6. *Người nhập khẩu* là tổ chức, cá nhân thực hiện việc nhập khẩu hàng hóa (chủ sở hữu hàng hóa) hoặc tổ chức, cá nhân, đại lý được ủy thác nhập khẩu của chủ sở hữu hàng hóa (người được ủy thác);

7. *Chứng chỉ chất lượng* là một trong những tài liệu sau:

a) Kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân (sau đây viết tắt là kết quả tự đánh giá) theo quy định của pháp luật;

b) Kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật;

c) Kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật.

8. *Báo cáo kết quả tự đánh giá* bao gồm các thông tin sau:

a) Tên tổ chức, cá nhân; địa chỉ; điện thoại, fax;

b) Tên sản phẩm, hàng hóa, nhà sản xuất;

c) Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

d) Kết quả thử nghiệm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của tổ chức thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng;

đ) Kết luận sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

e) Cam kết chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.

Điều 4. Áp dụng biện pháp quản lý đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 trong sản xuất, nhập khẩu

1. Biện pháp quản lý đối với sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, nhập khẩu quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và khoản 2 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

2. Biện pháp quản lý đối với sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, nhập khẩu bao gồm 03 mức độ sau:

a) Mức 1: công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá;

b) Mức 2: công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa nhập khẩu; biện pháp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật đối với sản phẩm trong sản xuất;

c) Mức 3: công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa nhập khẩu; công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định theo quy định của pháp luật đối với sản phẩm trong sản xuất.

Điều 5. Áp dụng biện pháp quản lý đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 không đáp ứng quy định

1. Sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 trong sản xuất, nhập khẩu đang áp dụng biện pháp quản lý Mức 1, Mức 2, nếu phát hiện sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân có chất lượng không bảo đảm, gây mất an toàn cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường hoặc căn cứ kết luận của cơ quan có thẩm quyền về nội dung khiếu nại, tố cáo về hoạt động sản xuất, nhập khẩu hoặc quá thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thông quan hàng hóa, người nhập khẩu không nộp cho cơ quan kiểm tra báo cáo kết quả tự đánh giá (đối với Mức 1), chứng chỉ chất lượng quy định tại điểm b khoản 7 Điều 3 Thông tư này (đối với Mức 2) mà không có lý do thì cơ quan kiểm tra xem xét, quyết định chuyển sang áp dụng